UBND TỈNH TUYÊN QUANG **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1299 /BC-SKHCN	*Tuyên Quang, ngày 09 tháng 10 năm 2023*

BÁO CÁO
Về việc hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Ngày 30/9/2023, Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Báo cáo số 363/BC-STP ngày 25/9/2023 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ Báo cáo về việc tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ
I. Căn cứ thẩm định văn bản	
II. Nội dung thẩm định **1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết** Ngày 12/12/2013, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND).* Đến nay, 12/13 căn cứ ban hành Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác, 01/13 căn cứ ban hành đã được sửa đổi, bổ sung. Theo đó, nhiều nội dung tại Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, như: Luật sửa đổi, 3 bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; Quyết định	

số 2205/QĐ-TTg… Đồng thời, tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định: "*2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này từ nguồn ngân sách địa phương".* Từ những vấn đề nêu trên và căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật[1], khoản 2 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*)[2] thì việc trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để xử lý những nội dung không còn phù hợp tại Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND là cần thiết. **2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa một số nội dung của dự thảo Nghị quyết để bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất trong hệ thống pháp luật, cụ thể: **2.1. Căn cứ ban hành** Đề nghị rà soát để bổ sung các căn cứ ban hành, theo đó đối với các văn bản làm căn cứ ban hành đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung bởi các văn bản quy phạm pháp luật khác thì phải bổ sung đầy đủ. **2.2. Nội dung các điều** Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND gồm có 03 điều, trong đó toàn bộ nội dung chính của chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 1. Trong khi đó Dự thảo Nghị quyết dự kiến sửa đổi, bổ sung 03/05 hoạt động được hỗ trợ, 02/05 nội	- Đã tiếp thu để bổ sung, hoàn thiện dự thảo.

[1] Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: "*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền".*

[2] Khoản 3 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định: "2. *Thay thế văn bản được áp dụng trong trường hợp toàn bộ hoặc phần lớn nội dung của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội".*

dung và mức hỗ trợ, bổ sung 01 nội dung và mức hỗ trợ tại Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND. Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp nhận thấy một số nội dung còn lại của Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại dự thảo Nghị quyết, cụ thể: - Về đối tượng áp dụng: Khoản 1.1 Điều 1 Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND quy định đối tượng áp dụng như sau: *"...- Doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Tuyên Quang.* *- Doanh nhân là người Việt Nam hoạt động tại tỉnh Tuyên Quang.* *- Cá nhân có các giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, có hộ khẩu thường trú tại tính Tuyên Quang.* *- Ưu tiên hỗ trợ...(nếu doanh nhân đó là đối tượng quy định tại khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp)..."* Quy định nêu trên không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và chủ trương của Đảng, Nhà nước về khuyến khích doanh nghiệp, cụ thể: *Thứ nhất,* căn cứ ban hành Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND là "Luật doanh nghiệp năm 2005" đã được thay thế bởi Luật Doanh nghiệp năm 2014 và luật hiện hành (đang có hiệu lực) là Luật doanh nghiệp năm 2020, vì vậy việc dẫn chiếu các điều, khoản của Luật doanh nghiệp 2005 nêu tại khoản 1.1 Điều 1 là không còn phù hợp, không đúng với Luật doanh nghiệp năm 2020.	- Đã tiếp thu để bổ sung các căn cứ ban hành để phù hợp.
Thứ hai, quy định đối tượng là "doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Tuyên Quang" là chưa phù hợp và chưa hợp lý, vì chưa phân biệt quy mô doanh nghiệp (lớn/vừa/nhỏ), trong khi đó dự thảo Nghị quyết căn cứ vào Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hơn nữa quy định "có trụ	- Đã tiếp thu để bổ sung, chỉnh sửa để phù hợp.

sở chính tại Tuyên Quang" cũng chưa chính xác, vì tùy theo loại hình và quy mô của doanh nghiệp mà có thể có trụ sở chính ở tỉnh khác nhưng mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở tỉnh Tuyên Quang.v.v.v... vì vậy theo pháp luật hiện hành phải sử dụng cụm từ "đăng ký hoạt động tại tỉnh Tuyên Quang".	
Thứ ba, quy định "cá nhân... có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Tuyên Quang" không còn phù hợp với quy định của Luật cư trú.	- Đã rà soát, điều chỉnh để phù hợp
- Một số nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 phê duyệt kèm theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg chưa được đề cập tại Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND, như: Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;… hoặc không còn phù hợp.	- Dự thảo không đề cập đến đối tượng **bảo hộ Chỉ dẫn địa lý.** Bởi Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý thuộc về cơ quan quản lý Nhà nước (không phải doanh nghiệp). Nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức, cá nhân đó hoặc cơ quan quản lý hành chính địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý không trở thành chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý đó *(Theo Điều 88 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (được sửa đổi bởi khoản 26 Điều 1 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022).* Việc đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới, Sở đã rà soát và không đề xuất vào dự thảo Nghị quyết để đảm bảo tính khả thi. Bởi cho đến nay, tỉnh Tuyên Quang chưa có đơn vị nào được đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới. Ngoài ra, đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết là các doanh nghiệp; trong khi đó doanh nghiệp có đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học còn hạn chế (chủ yếu là các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh).
Như vậy, đa số nội dung Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND không còn phù hợp, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo biên tập lại dự thảo Nghị quyết theo hướng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND cho phù hợp với	

quy định tại khoản 2 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định: "2. Thay thế văn bản được áp dụng trong trường hợp toàn bộ hoặc phần lớn nội dung của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội".	- Đã tiếp thu để bổ sung, hoàn thiện dự thảo.
3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản Đề nghị sắp xếp lại địa chỉ nơi nhận theo thứ bậc hành chính từ cao xuống thấp; tiếp tục rà soát lại toàn bộ dự thảo Nghị quyết để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản bảo đảm phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).	- Đã tiếp thu để bổ sung, hoàn thiện dự thảo. - Đã thực hiện rà soát lại dự thảo để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).
4. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản Dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến tham gia theo quy định.	
III. KẾT LUẬN **1.** Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Mục II Báo cáo thẩm định này; tiếp tục rà soát Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND để kiến nghị xử lý những nội dung không còn phù hợp, biên soạn lại dự thảo Nghị quyết theo hướng thay thế Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND. **2.** Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, nếu có sự thay đổi nhiều phải gửi lấy ý kiến tham gia và gửi Sở Tư pháp thẩm định lại theo quy định.	- Đã tiếp thu để bổ sung, hoàn thiện dự thảo.

Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCN&TĐC. (ĐTh)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Đại Thành